TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Thẩm phán: Ông Trần Khánh Hồng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Khắc Long.

2. Ông Hà Minh Tiến.

3. Ông Nguyễn Văn Dương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lương Thị Thúy Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn S, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1988 tại Bắc Giang; Nơi ĐKHKTT: BG, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1952 và bà Trần Thị C, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử:

Ông Phạm Ngọc K – Luật sư văn phòng Luật sư HV, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Bị hại: Anh Dương Đình T1, sinh năm 1982 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1954. (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho bà Dương Thị Đ tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lưu Thị M, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Tr, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (có mặt).

3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1954. (có mặt)

Nơi cư trú: BN, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1984 (Có mặt).

Nơi cư trú: BV, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1985 (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N2, xã UK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Dương Viết H, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Nguyễn T2 H1, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn S có vợ là Nguyễn Thị L (sinh năm 1989, trú tại: BN, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang). Do chị L làm công nhân tại Công ty SamSung Thái Nguyên, nên vợ chồng S chuyển đến sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị L thuộc xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 02/4/2019, khi sử dụng điện thoại của chị L, S phát hiện chị L có nhắn tin tình cảm qua phần mềm Zalo trong điện thoại với anh Dương Đình T1 (sinh năm 1982, trú tại: Xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi S nói chuyện cho chị L biết, chị L đã thừa nhận việc có quan hệ tình cảm và đã quan hệ tình dục với anh T1 01 lần vào ngày 23/3/2019.

S yêu cầu chị L phải hẹn anh T1 cho S gặp để nói chuyện thì S mới tha thứ. Chị L đã gọi điện cho anh T1 nói là S đã biết mối quan hệ giữa chị L và anh T1, S muốn gặp anh T1, hẹn nhau tại khu vực Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi nói chuyện với chị L xong, S để 01 con dao bằng kim loại dài 22,5cm có chuôi và vỏ dao bằng nhựa màu đen, mũi dao nhọn, vào cốp xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, BKS 20G1-134.98, mục đích sử dụng khi gặp anh T1. Đến khoảng 17h ngày 03/4/2019, S và chị L ngồi uống bia với Trần Văn T2 (sinh năm 1984, trú tại: BV, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang, là anh họ của S) ở khu vực cầu M, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình ngồi uống bia S nói cho anh T2 biết việc chị L đang có mối quan hệ tình cảm với anh T1. S nhờ anh T2 đi cùng chị L đến gặp anh T1 trước, khi nào cả hai gặp được anh T1 thì gọi cho S để đến nói chuyện.

Khoảng 18h cùng ngày, khi anh T1 và anh Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1985, trú tại: xóm N12, xã UK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) đang ở nhà anh Dương Văn T3 (sinh năm 1982, trú tại: xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái

Nguyên) thì anh T1 nhận được điện thoại của chị L, chị L có nói là cả hai vợ chồng chị L muốn gặp anh T1 để nói chuyện và hẹn anh T1 đến khu vực đường tròn Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Khi nói chuyện anh T1 bật loa ngoài nên anh Đ1 cũng nghe được nội dung trên. Anh T1 đồng ý đến gặp vợ chồng chị L. Sau khi anh T1 đi, do thấy lo lắng nên anh Đ1 cũng đi đến khu vực đường tròn Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên để tìm anh T1.

Tại khu vực đường tròn Điềm Thụy, anh T1, L và anh T2 vào quán bia của gia đình của anh Dương Viết H (sinh năm 1985, tại xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) ngồi nói chuyện. Anh Đ1 nhìn thấy anh T1 nên vào trong quán ngồi cùng. Tại đây, anh T1 giải thích với anh T2 là mối quan hệ giữa anh T1 và chị L là quan hệ bạn bình thường, chỉ nói chuyện với nhau qua Zalo. Sau khi vào quán, T2 có gọi điện cho S thông báo đã ngồi trong quán với T1. Ngay lúc này, S đi xe mô tô BKS 20G1-134.98 (xe của chị L) đến quán nhà anh H, dựng xe ở cửa quán và mở cốp xe lấy con dao đã chuẩn bị từ trước cho vào túi quần bên phải. S đi đến vị trí anh T1, đứng bên trái cạnh ghế anh T1 đang ngồi. S dùng tay trái vỗ vai trái anh T1 và nói "*Tại sao anh lại đi ngủ với vợ em*". Anh T1 quay người sang trái nhìn S thì S dùng tay phải rút 01 con dao bằng kim loại, cán nhựa màu đen, dài 22,5 cm ra khỏi túi quần. Và cầm dao ở tay phải, mũi dao hướng ra từ ngón cái đâm 01 nhát hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào đỉnh vai trái của anh T1. Anh T1 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong hồi 20 giờ tại Bệnh viện C- Thái Nguyên.

Sau khi đâm anh T1 xong, S cầm dao bỏ chạy và gọi điện cho anh Nguyễn Thanh H1 (sinh năm 1990, trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, là anh họ chị L), S nói với anh H1 việc đã dùng dao đâm anh T1 nên anh Hà khuyên S ra đầu thú. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh Hà đưa S đến Công an huyện Phú Bình để đầu thú và giao nộp con dao đã dùng để đâm anh T1.

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 03/4/2019,Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án: Là tại quán của anh Dương Viết H tại xóm TP, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Quán được mở tại sân trước cửa nhà anh H có diện tích (13 x 09)m được lát gạch men màu trắng. Quán được lợp tôn, hai bên là tường gạch, quán có 03 cửa ra vào phía Bắc, 02 cửa ra là dạng cuốn, 01 cửa sắt. Tại tường phía Tây có 01 cửa sắt dạng đẩy ngang. Trong quán có kê 03 dãy bàn ghế theo chiều dọc, trong đó 03 bộ bàn ghế được kê sát tường phía Tây (03 bàn inox có kích thước bằng nhau và các ghế nhựa có kích thước bằng nhau). Dãy ở giữa kê 04 bộ bàn ghế (02 bàn inox có kích thước bằng nhau, 02 bàn nhựa có kích thước bằng nhau). Kế tiếp bên phải dãy giữa (theo hướng nhìn từ ngoài vào trong) là dãy bàn khung sắt, mặt kính có cùng kích thước và 11 ghế gỗ khung sắt. Tại tường phía Đông là khu vực bếp và tủ đựng đồ tạp hóa khoảng cách giữa 03 bàn ghế là 1,7m. Quán có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông là nhà bà Trần Thị M1, phía Tây là cửa hàng điện thoại di động xanh, phía Bắc là quốc lộ 37.

Quá trình khám nghiệm đã đánh số, đo đạc, phát hiện, thu giữ các dấu vết, đồ vật tại hiện trường: Vị trí số 01: là bàn Inox có kích thước (1,15 x 0,7 x 0,7)m, vị trí cách tường phía Tây 2,8m, cách cửa cuốn ra vào quán 5,1m. Trên mặt bàn có 04 cốc thủy tinh bên trong có chứa bia; 01 ca nhựa màu xanh bên trong có chứa bia; trên bề mặt ca nhựa có bám dính rải rác dấu vết máu bắn. Tại mặt bàn phía Tây có rải rác dấu vết máu đọng trong diện (0,6x0,8)m. Cạnh chiếc bàn Inox về phía Tây phát hiện 01 chiếc ghế nhựa màu nâu trên ghế có bám dính dấu vết máu; Vị trí số 02: Dưới gầm bàn Inox ở vị trí số 01 phát hiện 01 đôi dép nhựa màu xanh, trên dép có chữ "VIP", 01 chiếc ở gầm bàn phía Nam (chiếc bên phải), 01 chiếc ở gầm bàn phía Bắc (chiếc bên trái), hai chiếc dép cách nhau 0,75m và trên hai chiếc dép đều bám dính dấu vết máu. Cách vị trí số 01 về phía Tây Bắc 0,9m, cách tường phía Tây 1,7m phát hiện 01 chiếc ghế nhựa cùng loại với chiếc ghế nhựa ở vị trí số 01, trên ghế có bám dính nhiều dấu vết máu; Vị trí số 03: Cách chiếc dép nhựa màu xanh nằm ở gầm bàn phía Bắc về phía Tây Bắc 0,4m, cách tường phía Tây 01m là vũng máu chảy đọng trong diện (0,7 x 0,9)m. Từ vị trí số 03 về phía Nam rải rác nhiều dấu vết máu nhỏ giọt, chảy đọng, chùi quệt và dấu vết chân bám dính máu có hướng di chuyển ra phía ngoài đường Quốc lộ 37, ngoài ra tại dãy bàn ghế giữa, các bàn và ghế xung quanh bàn Inox mô tả ở vị trí số 01 đều bám dính máu; Vị trí số 04: Cách vị trí số 03 về phía Đông Bắc 4,20m, cách tường phía Tây 5,1m phát hiện 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, màu sơn trắng- xanh mang biển số 20G1-134.98, đầu xe quay vào trong quán, đuôi xe quay ra ngoài quán; Vị trí số 05: Tại khu vực vỉa hè ngoài quán ăn đêm của anh Hùng sát cửa ra vào phía Tây của quán phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu sơn đen, mang biển số 20G1-457.58.

Khám nghiệm tử thi hồi 23 giờ 20 phút ngày 03/4/2019 tại nhà anh Dương Đình T1 xác định:

Các dấu vết, tổn thương trên cơ thể:

+ Hai mũi có dịch bọt màu đỏ.

+ Tại vùng đỉnh vai trái, cách trong mỏm cùng vai trái 07cm có vết rách thủng da cơ, bờ mép sắc gọn, sâu thấu vào bên trong, KT: (4,5x0,1)cm; góc trước tù, góc sau nhọn, vết thủng có chiều hướng từ trái sang phải, từ sau ra trước, từ trên xuống dưới.

+ Trên người có bám dính nhiều máu, hai bàn chân có bám dính nhiều máu phun bắn.

Mổ tử thi: Tổ chức dưới da và cơ vùng cổ tụ máu; Đứt toàn bộ bó mạch cảnh bên trái; Đứt động mạch dưới đòn bên trái; Đứt bán phần khí quản phía trước;Trong lòng khí quản có dịch bọt màu đỏ; Hai phổi nhạt màu, màng phổi bên phải dính chặt vào thành ngực.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 716/KL-KTHS ngày 03/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định**:** vết rách thủng da cơ vùng vai trái sâu thấu vào trong làm đứt toàn bộ bó mạch cảnh bên trái. Đứt động mạch dưới đòn bên trái. Đứt bán phần khí quản phía trước.

Nguyên nhân chết: Dương Đình T1, sinh năm 1982, nơi đăng kí HKTT: xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, bị dao đâm vào vùng đỉnh vai trái làm đứt toàn bộ bó mạch cảnh bên trái, đứt động mạch dưới đòn trái, đứt bán phần khí quản gây chảy mất máu cấp, suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Tại kết luận giám định số 1803/C09 (TT3) ngày 17/5/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Trên các mẫu kí hiệu A, con dao kí hiệu G2, chiếc áo kí hiệu G3 có máu người và là máu của Dương Đình T1. Mẫu vật chất thu tại tay trái Hoàng Văn S, kí hiệu A1 có lẫn tế bào của hai người là Dương Đình T1 và Hoàng Văn S.

Tại Bản kết luận giám định hóa pháp số 188/1752//4-225/19/HP ngày 09/4/2019 của Viện pháp y Bộ y tế kết luận: Trong mẫu máu và nước tiểu của anh Hoàng Văn S, sinh năm 1988 do Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên gửi tới giám định ngày 05/4/2019 không tìm thấy cồn và các chất ma túy.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 gói giấy được dán kín có hình dấu niêm phong Viện khoa học hình sự - Bộ công an; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Hoàng Văn S đã niêm phong kí hiệu G1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Nguyễn Thị L; 01 giấy Chứng minh nhân dân số 121214473 mang tên Hoàng Văn S; 01 quần vải ống màu đen của Hoàng Văn S đã niêm phong kí hiệu G4;01 đôi dép nhựa màu xanh, trên dép có dòng chữ VIP, dép bám dính vật chất màu nâu đỏ;01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, BKS 20G1- 134.98, màu trắng xanh đã qua sử dụng; 01 chìa khóa xe máy, phần tay cầm bằng nhựa màu đen có in nổi chữ S.

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Về phần dân sự: Hiện gia đình Hoàng Văn S đã bồi thường cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp là bà Dương Thị Đ (mẹ đẻ anh T1) số tiền 40.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu S bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời nhận tội của S phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 39/CT - VKS - P2, ngày 31/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn S về tội "Giết người", theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với

bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn S phạm tội "Giết người";

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 15 đến 16 năm tù;

* Bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589, 591 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại các khoản tiền sau:

- Khoản tiền mai táng phí: 45.000.000đ;

- Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền tương ứng 100 tháng lương cơ sở: 100 x 1.490.000đ = 149.000.000đ.

- Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con:

+ Cháu Dương Đình H2, sinh ngày 13/8/2007; mỗi tháng 750.000đ kể từ ngày 03/4/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

+ Cháu Dương Đình H3, sinh ngày 28/12/2017; mỗi tháng 750.000đ kể từ ngày 03/4/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Khoản tiền cấp dưỡng cho bà Đ: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bà Đ, bị cáo có trách nhiệm bồi thường, về mức bồi thường do Hội đồng xét xử xem xét.

* Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, biển kiểm soát: 20G1 – 134.98, sơn màu trắng-xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã cũ (thu giữ của Hoàng Văn S)

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã cũ.

- Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh thư nhân dân số 121214473, mang tên Hoàng Văn S.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần vải, ống màu đen niêm phong ký hiệu G4; 01 đôi dép nhựa màu xanh; 01 gói giấy niêm phong của Viện khoa học hình sự- Bộ công an.

* Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: "Giết người", theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo do một phần lỗi của người bị hại. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra cơ quan Công an đầu thú, khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình, đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm

b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án từ 13 đến 14 năm tù, phần bồi thường đề nghị xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật và miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về cơ bản Luật sư nhất trí với Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, về hình phạt thì Viện kiểm sát đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân phạm tội để đề nghị mức án đối với bị cáo, do vậy Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt và phần trách nhiệm bồi thường dân sự.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn S phù hợp với lời khai của người của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Dó đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/4/2019, tại quán ăn của anh Dương Viết H ở xóm TP, xã ĐT, huyện PB cảm với anh Dương Đình T1, nên Hoàng Văn S đã có hành vi dùng 01 con dao, (dạng dao gọt hoa quả, dài 22, 5cm) đâm 01 nhát vào vùng vai trái của anh T1 gây đứt toàn bộ bó mạch cảnh, đứt động mạch dưới đòn trái và đứt bán phần khí quản phía trước, hậu quả anh T1 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu đến 20 giờ 00 phút cùng ngày thì tử vong.

Với hành vi nêu trên, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 123 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a)...

n). Có tính chất côn đồ".

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn S là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động để gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại, sau khi phạm tội đã ra cơ quan Công an đầu thú. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[5]. Về bồi thường dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ chi phí mai táng phí với số tiền là 45.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của anh T1 là cháu Dương Đình H2, sinh năm 2007 và cháu Dương Đình H3, sinh năm 2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; tiền cấp dưỡng cho mẹ đẻ anh T1 là bà Dương Thị Đ, sinh năm 1954; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường các khoản tiền do đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để quyết định mức bồi thường phù hợp để bị cáo có điều kiện bồi thường. Xét yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại về khoản bồi thường chi phí mai táng phí, tiền cấp dưỡng cho 02 con của anh T1 và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là có căn cứ và phù hợp với thực tế tại địa phương. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường chi phí mai táng phí số tiền 45.000.000đ (gia đình bị cáo đã bồi thường 40.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 5.000.000đ);

- Bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 100 tháng lương cơ sở (hiện tại là 1.490.000đ/01 tháng): 100 x 1.490.000đ = 149.000.000đ; (số tiền này được chia đều cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại là Bà Dương Thị Đ, chị Nguyễn Thị N, cháu Dương Đình H3 và cháu Dương Đình H. 149.000.000đ : 4 = 37.250.000đ). Phần của bà Đ được hưởng là 37.250.000đ, chị N và cháu H3 được hưởng là 74.500.000đ, cháu H2 được hưởng 37.250.000đ (do cháu H2 đang do chị Lưu Thị M nuôi dưỡng nên chị M nhận thay cháu H2).

- Khoản tiền cấp dưỡng đối với 02 con của anh T1 là cháu Dương Đình H3 và cháu Dương Đình H2. Theo quy định của pháp luật, bố mẹ đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa đủ 18 tuổi, hiện nay cháu H3 đang do chị N nuôi dưỡng, cháu H2 do chị M nuôi dưỡng, vì vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi dưỡng các cháu H3 và H2 mỗi cháu số tiền 750.000đ/ tháng, kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do cháu Dương Đình H2 đang do chị Lưu Thị M nuôi dưỡng nên chị M nhận khoản tiền trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng của cháu H2.

- Khoản tiền cấp dưỡng cho bà Dương Thị Đ mỗi tháng 750.000đ, kể từ tháng 4/2019 cho đến khi bà Đ qua đời.

Đối với số tiền 40.000.000đ do bà Trần Thị C và chị Nguyễn Thị L bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo, tại phiên tòa bà C và chị L không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không xem xét.

[6]. Vật chứng vụ án:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, BKS: 20G1-134.98, tạm giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu giữ của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn S, đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo quản lý.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

- Những vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân S sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này, Nguyễn Thị L là người hẹn anh Dương Đình T1 đến để nói chuyện, anh Trần Văn T2 là người gọi điện cho Hoàng Văn S thông báo đã gặp được anh T1 nhưng L và anh T2 chỉ biết S gặp anh T1 để nói chuyện, do vậy hành vi của L và anh T2 không đồng phạm với S về tội "Giết người". Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên không xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn S phạm tội "Giết người".

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 16 (mười sáu) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2019.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Hoàng Văn S 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 591, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải bồi thường cho gia đình anh Dương Đình T1 các khoản tiền như sau:

- Buộc bị cáo bồi thường cho bà Dương Thị Đ các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Khoản tiền mai táng phí: 45.000.000đ;

+ Khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 37.250.000đ.

Tổng cộng: 82.250.000đ

Gia đình bị cáo đã bồi thường 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp **42.250.000đ** (bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Khoản tiền cấp dưỡng cho bà Dương Thị Đ: 750.000đ/1tháng, kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi bà Đũn qua đời.

- Buộc bị cáo S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N và cháu Dương Đình H3, (sinh ngày 28/12/2017) khoản tiền tổn thất tinh thần là: 74.500.000đ (bẩy mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền cấp dưỡng cho cháu H3, sinh ngày 28/12/2017 là 750.000đ/01 tháng kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Buộc bị cáo S phải bồi thường cho cháu Dương Đình H2, sinh ngày 13/8/2007 (chị Lưu Thị M là người nhận thay cháu H2) khoản tiền tổn thất tinh thần là: 37.250.000đ và khoản tiền cấp dưỡng cho cháu H2 là 750.000đ/01 tháng kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate, vỏ màu trắng xanh, biển kiểm soát: 20G1 – 134.98, tình trạng xe: xe cũ, đã qua sử dụng, xe không có gương bên phải, xước xát nhiều chỗ, không kiểm tra máy bên trong; 01 chìa khóa xe máy, phần tay cầm bằng nhựa màu đen có in nổi chữ S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO được niêm phong ký hiệu G1.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn S 01 chứng minh thư nhân dân số 121814473 mang tên Hoàng Văn S.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO được niêm phong, bên ngoài ghi có điện thoại di động hiệu OPPO.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói giấy dán kín có hình dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; 01 niêm phong ký hiệu G4 bên ngoài ghi có: 01 quần vải ống màu đen của Hoàng Văn S; 01 đôi dép nhựa màu xanh, trên dép có dòng chữ VIP, dép bám dính vật chất màu nâu đỏ.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Hoàng Văn S được miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Minh Tuân